

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ MINH MINH ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ MINH MINH ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH MINH ANH TECHNOLOGY AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH MINH ANH

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108328879

**3. Ngày thành lập:** 18/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 36 đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3312     |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3314     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3319     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4210     |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4220     |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4290     |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321     |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4329     |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610     |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4651     |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                   | 4741     |
| 14. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4742     |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Bán lẻ bằng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4762        |
| 17. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4763        |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4932        |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 20. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710        |
| 21. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết: Phòng khám chuyên khoa mắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8620        |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7730        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299        |
| 24. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3313        |
| 25. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3320        |
| 26. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4100        |
| 27. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 28. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 29. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390        |
| 30. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: bán buôn va li, túi, ví, cặp, nước hoa, mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh; hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; dụng cụ thể dục, thể thao; dụng cụ y tế; đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức mỹ nghệ; nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi; xe đạp và phụ tùng xe đạp; băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; (trừ loại Nhà nước cấm) | 4649        |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; tranh, ảnh, tác phẩm nghệ thuật (trừ đồ cổ); Bán lẻ kính mắt: kính cận, kính viễn, kính râm, kính chống bụi...kể cả hoạt động đo thị lực, mài, lắp kính phục vụ cho bán lẻ kính mắt                                                                                                                                                                                                         | 4773(Chính) |
| 32. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652        |
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; máy móc, thiết bị y tế; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; thiết bị và dụng cụ đo lường; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp, máy tự động hóa; các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu                                                                                                                                 | 4659        |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

Họ và tên: LƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG      Giới tính: *Nữ*  
 Sinh ngày: 09/12/1992      Dân tộc: *Kinh*      Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 151874685

Ngày cấp: 24/10/2006      Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tân Tiến, Xã Quyết Tiến, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 2108 CT1 Ecogreen số 286 đường Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯƠNG THI THU PHƯƠNG                      Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 09/12/1992      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 151874685

Ngày cấp: 24/10/2006      Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tân Tiến, Xã Quyết Tiến, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Phòng 2108 CT1 Ecogreen số 286 đường Nguyễn Xiển, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội